

Nhóm biên tập
Phạm Thu Hiền
Khuất Thu Hồng

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

**Lồng ghép giới trong
các kế hoạch vận động
và tác động chính sách
phòng ngừa và
ứng phó COVID-19**





Giới thiệu về tài liệu	02
Module 1: Những vấn đề giới và tác động về giới của đại dịch COVID-19	03
1.1. Một số khái niệm	03
1.2. Tóm lược một số vấn đề giới nổi cộm ở Việt Nam hiện nay	04
1.3. Tác động giới của đại dịch COVID 19	06
Module 2: Lồng ghép giới và đáp ứng giới trong quá trình xây dựng, thực hiện và giám sát thực hiện các kế hoạch vận động chính sách của tổ chức	12
2.1. Sự cần thiết của lồng ghép giới và đáp ứng giới trong các kế hoạch vận động và tác động chính sách của tổ chức trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và tình huống khẩn cấp khác	12
2.2 Lồng ghép giới trong kế hoạch vận động và tác động chính sách của tổ chức trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và tình huống khẩn cấp khác	13
Module 3: Thực hành lồng ghép giới vào kế hoạch vận động chính sách/hoạt động của dự án	23
Phụ lục: Tài liệu đọc tham khảo	24

GIỚI THIỆU VỀ TÀI LIỆU



Tài liệu được thiết kế cho các cán bộ của các tổ chức phi chính phủ trong quá trình xây dựng và thực hiện các kế hoạch vận động và tác động chính sách.

Mục tiêu chủ yếu của Tài liệu nhằm giúp các cán bộ của các tổ chức:

- (i) Hiểu được tầm quan trọng và tính cần thiết của lồng ghép giới và đáp ứng giới trong các kế hoạch vận động và tác động chính sách của tổ chức, đặc biệt trong bối cảnh COVID-19 và các tình huống khẩn cấp.
- (ii) Nắm bắt được các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhằm đảm bảo lồng ghép giới và đáp ứng giới trong quá trình xây

dựng, thực hiện và giám sát thực hiện các kế hoạch vận động chính sách của tổ chức.

Nội dung của Tài liệu bao gồm 03 Module như sau:

- **Module 1:** Những vấn đề giới và tác động về giới của đại dịch COVID-19.
- **Module 2:** Lồng ghép giới và đáp ứng giới trong quá trình xây dựng, thực hiện và giám sát thực hiện các kế hoạch vận động chính sách của tổ chức.
- **Module 3:** Thực hành lồng ghép giới vào Kế hoạch vận động chính sách/hoạt động của Dự án.

MODULE

1

Những vấn đề giới và tác động về giới của đại dịch covid-19

1.1. Một số khái niệm

Định kiến giới

Định kiến giới là nhận thức, thái độ và hành vi đánh giá thiên lệch, tiêu cực về khả năng, vị trí, vai trò của nữ hoặc nam. Định kiến là những quan niệm sai lệch, tiêu cực về một cá nhân hoặc một nhóm dân cư nhất định, ví dụ, quan niệm cho rằng phụ nữ không đủ năng lực để làm lãnh đạo, nam giới không đủ khéo léo và kiên nhẫn để chăm sóc con cái.

Điểm cần chú ý là mặc dù làm hạn chế và gây bất lợi cho cả nam và nữ, nhưng định kiến giới thường đặt phụ nữ ở vị trí yếu thế hơn so với nam giới trong gia đình, tại nơi làm việc và ngoài xã hội. Vì phụ nữ bị gắn chặt vào vai trò chăm sóc nên họ ít cơ hội phát huy năng lực của mình. Định kiến giới, do vậy, là nguyên nhân gây ra và duy trì bất bình đẳng giới.

Vai trò giới

Vai trò giới là trách nhiệm hay công việc mà xã hội gán cho một người trên cơ sở giới tính của người đó. Tuy nhiên, phần lớn các vai trò đó chỉ là thói quen trong suy nghĩ được duy trì từ đời này qua đời khác mà không nhất thiết bắt nguồn từ các đặc điểm giới tính. Ví dụ: chỉ có phụ nữ mới có thể sinh đẻ nhưng cả phụ nữ và nam giới đều có thể thực hiện vai trò chăm sóc trẻ em.

Các vai trò giới đa dạng, thay đổi theo thời gian, không gian, tương ứng với các điều

kiện, hoàn cảnh thay đổi của cộng đồng. Vai trò giới có ảnh hưởng đến mối quan hệ quyền lực giữa các giới ở mọi cấp độ, dẫn đến tình trạng bất bình đẳng về cơ hội và thụ hưởng thành quả đối với phụ nữ.

Bình đẳng giới

Bình đẳng giới là việc nam và nữ có vị trí và vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.¹

Điểm cần lưu ý là trong các tài liệu chính thống của Việt Nam, bình đẳng giới chỉ đề cập đến nam và nữ, tuy nhiên, khái niệm này cần được mở rộng, bao gồm những người thuộc cộng đồng đồng tính, song tính, chuyển giới các các nhóm khác (LGBT+). Thúc đẩy bình đẳng giới không có nghĩa là làm cho các giới trở nên giống như nhau, mà là tạo điều kiện để tất cả các giới đều không bị kiểm soát hoặc hạn chế bởi giới tính trong việc tiếp cận các cơ hội, thụ hưởng các quyền và thành quả lao động của mình.

Bình đẳng giới thực chất thừa nhận sự khác biệt nhưng khẳng định cuối cùng nam, nữ và các nhóm giới khác như cộng đồng LGBT+ cần được bình đẳng. Các quốc gia có trách nhiệm điều chỉnh môi trường gây bất lợi cho phụ nữ, tạo môi trường bình đẳng và hệ thống luật pháp chính sách tính đến quan điểm giới.

1 Luật Bình đẳng giới 2006, Điều 5.

Phân tích giới

Phân tích giới là tìm hiểu thực trạng tương quan giữa nam, nữ và các nhóm giới khác như cộng đồng LGBT+ về nhu cầu và ưu tiên của họ tại một thời điểm và trong một lĩnh vực cụ thể. Nhờ phân tích giới mà xác định được sự khác biệt giữa nam và nữ trong những khía cạnh sau: (i) Công việc và điều kiện làm việc; (ii) Tiếp cận và kiểm soát nguồn lực; (iii) Hưởng lợi từ chính sách; (iv) Tham gia ra quyết định; (v) Nhu cầu, mong muốn.

Phân tích giới là một phần quan trọng của phân tích chính sách nhằm làm rõ tác động của chính sách đến nam và nữ, cụ thể là chỉ rõ nam và nữ ai đang làm gì, mức độ tiếp cận và thụ hưởng chính sách ra sao.

Lồng ghép giới

Lồng ghép giới là tính đến nhu cầu và mối quan tâm của nữ và nam trong quá trình xây dựng, thực hiện và kiểm tra, giám sát chính sách, chương trình, dự án, nhằm xóa bỏ các biểu hiện bất bình đẳng giới. Lồng ghép giới chính là việc đánh giá, xem xét cần làm gì cho nữ và nam ở mỗi hoạt động cụ thể, bao gồm luật pháp, chính sách, chương trình, đề án... ở tất cả các cấp và trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Điều cần ghi nhớ là lồng ghép giới là cách thức cơ bản nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, tuy nhiên, tiếp cận đó không thay thế các biện pháp cụ thể nhằm khắc phục những rào cản đang tồn tại ở riêng từng giới. Ví dụ, các biện pháp hỗ trợ dành cho nữ lãnh đạo, hay phụ nữ bị bạo lực, chế độ thai sản cho nam giới khi vợ sinh con, tăng cường hình ảnh và bài viết về trẻ em trai và nam giới tham gia các công việc gia đình như chăm sóc, nấu ăn, giặt giũ trong sách giáo khoa và trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Đáp ứng giới

Đáp ứng giới bao gồm việc có nhận thức về giới và có các hành động cụ thể, thường xuyên và nhất quán nhằm giải quyết vấn đề

bất bình đẳng giới. Đáp ứng giới tạo điều kiện phù hợp cho nam và nữ, xuất phát từ thực tế cuộc sống họ, đồng thời, có biện pháp khắc phục những vấn đề bất bình đẳng giới.

Chính sách có đáp ứng giới tác động đến vai trò, nhu cầu và lợi ích của phụ nữ/trẻ em gái, nam giới/trẻ em trai và những người thuộc cộng đồng LGBT+ một cách phù hợp, công bằng.

1.2. Tóm lược một số vấn đề giới nổi cộm ở Việt Nam hiện nay

Văn hóa, gia đình và truyền thông

- Định kiến giới về vai trò của nam, nữ trong gia đình còn nặng nề, tạo nên sức ép và căng thẳng cho cả nam và nữ theo các cách khác nhau.
- Tâm lý ưa thích con trai dẫn đến thực hành lựa chọn giới tính thai nhi, đối xử thiên vị với con trai, hạ thấp giá trị của con gái.
- Gánh nặng công việc chăm sóc không lương là rào cản dai dẳng, hạn chế phụ nữ trong học tập và phấn đấu cho sự nghiệp cá nhân.
- Bạo lực gia đình, bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em gái vẫn còn khá phổ biến, vi phạm quyền con người của phụ nữ và các em gái, gây tổn hại về sức khỏe, kinh tế, tinh thần, tình cảm và lòng tự tôn của họ.
- Truyền thông đóng góp vào việc duy trì các định kiến giới.
- Nam giới bị áp lực phải đóng vai trò trụ cột trong gia đình và có địa vị trong xã hội, được khuyến khích thể hiện sức mạnh nam tính khiến nhiều người có xu hướng giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực.

Chăm sóc sức khỏe

- Mất cân bằng về tỉ số giới tính khi sinh.
- Tỷ lệ nạo phá thai vị thành niên cao.

- Chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe còn nhiều bất cập. Tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản còn nhiều khó khăn ở miền núi và vùng sâu, vùng xa.
- Dịch vụ chăm sóc y tế thiếu nhạy cảm về giới, bao gồm những nhận thức sai lệch về nhóm LGBT+.
- Tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở vùng dân tộc, miền núi ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và duy trì nòi giống, tác động tiêu cực đến trẻ em, nhất là đối với trẻ em gái.
- Sức khỏe tinh thần, sức khỏe tình dục của phụ nữ và nam giới chưa được quan tâm.
- Do chịu nhiều sức ép mong đợi của xã hội và gia đình, nhiều nam giới sử dụng các chất kích thích khiến họ gặp nhiều vấn đề về sức khỏe thể chất và tinh thần.

Giáo dục và đào tạo nghề

- Tiếp cận giáo dục của trẻ em vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, nhất là trẻ em gái, người khuyết tật, nhóm di cư...
- Vì bị gắn chặt vào vai trò chăm sóc gia đình, phụ nữ có xu hướng lựa chọn các công việc đơn giản, đào tạo ngắn hạn. Do vậy thu nhập của phụ nữ thường thấp và không có cơ hội phát triển.
- Do định kiến về năng lực học tập nên phụ nữ thường lựa chọn hoặc được định hướng học các ngành học mà cơ hội việc làm hạn chế hơn, thu nhập thấp hơn và ít cơ hội phát triển hơn so với nam giới. Phụ nữ thường không được khuyến khích học các ngành như công nghệ thông tin, tự động hóa...
- Do gánh nặng gia đình mà phụ nữ ít có cơ hội tiếp tục học trên đại học. Điều này dẫn đến tỷ lệ nữ có trình độ sau đại học thấp hơn nhiều so với nam, đặc biệt ở trình độ cao như tiến sĩ hay học hàm phó giáo sư, giáo sư. Tỷ lệ nữ trong các ngành STEM thấp.

- Áp lực con trai/người đàn ông phải là trụ cột, có trách nhiệm nuôi sống gia đình khiến nhiều trẻ em trai và nam thanh niên lơ là học tập và bỏ học sớm để đi làm.

Lao động, việc làm và an sinh xã hội

- Tỷ lệ nữ tham gia lao động cao, song tập trung nhiều vào khu vực phi chính thức, do vậy họ không được bảo trợ và dễ bị tổn thương trong giai đoạn chuyển đổi.
- Ngay cả trong khu vực chính thức, phụ nữ chủ yếu tập trung ở các lĩnh vực mang lại thu nhập thấp và ít có cơ hội phát triển.
- Phụ nữ được trả lương ít hơn nam giới ở công việc có giá trị tương đương.
- Phụ nữ là người làm chính công việc chăm sóc không lương, điều này cản trở họ trong việc nâng cao tay nghề, chuyển đổi việc làm cũng như nắm bắt cơ hội đảm nhiệm vị trí cao và có mức lương cao hơn.
- Hệ thống dịch vụ xã hội chăm sóc người cao tuổi còn thiếu làm tăng gánh nặng chăm sóc cho các thành viên nữ trong gia đình.
- Nam giới bị gắn với các khuôn mẫu nam tính nên có xu hướng tham gia các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- Thiếu các chính sách xã hội khuyến khích nam giới tham gia những công việc không được trả công như chăm sóc gia đình và làm việc nhà.

Lãnh đạo, quản lý

- Tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý là thấp ở tất cả các cơ quan trong hệ thống chính trị ở trung ương cũng như địa phương.
- Nữ chủ yếu đảm nhiệm vị trí cấp phó, họ ít có cơ hội nắm giữ các vị trí mang tính chiến lược, ra quyết sách và có tầm ảnh hưởng.

- Phụ nữ có năng lực không mạnh dạn đảm nhận công việc do e ngại về việc thay đổi vị thế, quyền lực trong gia đình và xã hội, thách thức khuôn mẫu về giới đối với nam giới, những người thường được kỳ vọng làm người dẫn dắt, lãnh đạo hơn là nữ giới.
- Nữ lãnh đạo tập trung vào một số lĩnh vực xã hội và các tổ chức đoàn thể, trong khi nam tập trung nhiều hơn ở các lĩnh vực kinh tế, đầu tư, tài chính...
- Định kiến giới về năng lực lãnh đạo, quản lý của nữ còn nặng nề.
- Một số bất hợp lý trong chính sách gây bất lợi cho phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý (quy định tuổi nghỉ hưu, độ tuổi đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ...).
- Thời gian làm việc nhà của phụ nữ cao hơn nhiều so với nam giới, ít thời gian chăm sóc bản thân, học tập nâng cao, đi công tác xa nên năng lực, kinh nghiệm và cơ hội ít hơn với nam giới.
- Áp lực đối với nam giới khi đóng vai trò quản lý, lãnh đạo còn gắn với các hành vi mà nhiều nam giới không muốn nhưng phải theo như hút thuốc, uống rượu bia, ăn nhậu nhiều, đi hát karaoke, đi bar, đi công tác xa nhiều ngày, phải chơi các môn thể thao đắt tiền... Trong khi phụ nữ thì không có thời gian cho những hoạt động như vậy, và nếu phụ nữ tham gia thì không nhận được sự ủng hộ của gia đình và xã hội như đối với nam giới.

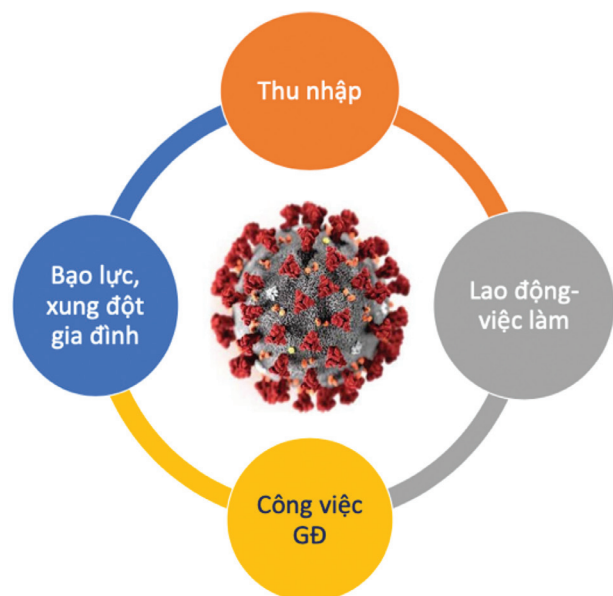
1.3. Tác động giới của đại dịch COVID 19

Kể từ khi được phát hiện lần đầu tiên tại Vũ Hán (Trung Quốc) cuối năm 2019, cho đến khi

Tổ chức Y tế Thế giới chính thức công bố là đại dịch toàn cầu vào ngày 11 tháng 3 năm 2020, virus COVID-19 đã và đang lan rộng trên phạm vi toàn cầu và gây ra tác động thảm khốc đến sức khỏe cộng đồng.

Tính đến ngày 12/5/2021, thế giới ghi nhận 160, 3 triệu ca nhiễm COVID-19, trong đó có hơn 138 triệu ca đã phục hồi và hơn 3,3 triệu ca tử vong.² và các con số này dự kiến sẽ tiếp tục tăng đều trong những tháng tới. Đại dịch đe dọa không chỉ sức khỏe cộng đồng và cả các hoạt động kinh tế cũng bị ảnh hưởng sâu sắc trên toàn thế giới. Trong quý 2 năm 2020, số giờ làm việc đã giảm 14%, tương đương với 400 triệu việc làm toàn thời gian.³ Gần 1,6 tỷ lao động phi chính thức đang phải vật lộn để kiếm sống do sự áp dụng các biện pháp cách ly xã hội (lockdown) và / hoặc vì họ đã làm việc trong những lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất.⁴

Bên cạnh những hậu quả nhìn thấy được, đại dịch COVID-19 cũng len lỏi đến từng hộ gia đình, khiến khủng hoảng bạo lực gia đình leo thang. Bạo lực có xu hướng xảy ra khi phụ nữ phải ở trong nhà với kẻ bạo hành⁵



2 https://www.worldometers.info/coronavirus/?utm_campaign=homeAdvegas1? Truy cập ngày 12/5/2021

3 Hard times forecast for global job recovery in 2020, warns UN labour agency chief. UN News. Published June 30, 2020. Accessed August 21, 2020. <https://news.un.org/en/story/2020/06/1067432>

4 ILO: As job losses escalate, nearly half of global workforce at risk of losing livelihoods. Published April 29, 2020. Accessed August 21, 2020. http://www.ilo.org/global/about-the-ilo/newsroom/news/WCMS_743036/lang--en/index.htm

5 Why focusing on gender-based violence is a priority in a crisis. Devex. Published May 13, 2020. Accessed September 1, 2020. <https://www.devex.com/news/sponsored/why-focusing-on-gender-based-violence-is-a-priority-in-a-crisis-97148>

và có khả năng tăng mạnh do các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh như giãn cách xã hội và cách ly bắt buộc tại nhà. Ước tính rằng trung bình cứ 3 tháng cách ly xã hội sẽ có thêm 15 triệu trường hợp bạo lực do bạo tình gây ra vào năm 2020, và thậm chí sẽ tăng lên 31 triệu vụ trong 6 tháng cách ly xã hội.⁶ Tình trạng “khủng hoảng trong khủng hoảng” này đã xuất hiện từ khi cách ly xã hội được thực hiện, với số lượng bạo lực gia đình tăng 30% ở Pháp và số cuộc gọi khẩn cấp về bạo lực gia đình tăng 25% ở Argentina⁶. Số lượng các cuộc gọi đến đường dây trợ giúp (liên quan đến bạo lực gia đình) cũng tăng 30% và 33% tại Cyprus và Singapor.⁷ Số vụ bạo lực gia đình và nhu cầu về nơi trú ẩn khẩn cấp trong thời gian đại dịch cũng tăng cao ở Mông Cổ, Nigeria, Trung Quốc, Italia, Đức, Tây Ban Nha, Anh, Canada và Mỹ.⁸ Lạm dụng tài chính, tình cảm và tâm lý đang gia tăng do hậu quả trực tiếp của việc mất thu nhập và thất nghiệp. Một báo cáo của Morocco cho thấy tỷ lệ lạm dụng tài chính và bạo lực tâm lý gia tăng lần lượt là 60% và 55%.⁹ Hơn nữa, các biện pháp kiểm soát bệnh như giãn cách xã hội trở thành rào cản trong việc cung cấp hỗ trợ nhanh chóng và hiệu quả cho những phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình. Năng lực của các cơ sở tạm trú cho nạn nhân bạo lực gia đình còn nhiều hạn chế, cộng với những giới hạn về khả năng đi lại cũng khiến phụ nữ không thể tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ. Việc các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và dịch vụ bảo trợ xã hội bị gián đoạn bởi đại dịch COVID-19 khiến cho hậu quả của bạo lực gia đình càng trở nên nặng nề hơn.¹⁰

Tại Việt Nam, kể từ trường hợp COVID-19 đầu tiên được phát hiện vào ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 12/5/2021 cả nước đã có 3571 trường hợp được xác nhận nhiễm COVID-19 và 35 trường hợp tử vong được báo cáo.¹¹ Đại dịch đã có tác động rất lớn tới nền kinh tế, khiến 10,3 triệu lao động mất việc hoặc bị giảm đáng kể thu nhập từ quý 2 của năm.¹² Điều này có nghĩa là hàng triệu người có thể phải ở trong nhà với điều kiện sống chật chội và gò bó. Hơn nữa, các biện pháp giãn cách xã hội trên toàn quốc đã được ban hành theo Chỉ thị số 16 / CT-TTg trong tháng 4 năm 2020 đã dẫn đến việc hơn 95 triệu người bị cô lập trong nhà. Ở nhà không có nghĩa là hoàn toàn an toàn hơn, đặc biệt là đối với phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình, khi họ phải trải qua thời gian dài liên tục đối mặt với người đã từng gây bạo hành cho họ trong điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hơn. Từ con số gần 63% phụ nữ Việt Nam đã từng trải qua ít nhất một dạng bạo lực từ phía người chồng hay bạn tình trong một khảo sát quốc gia mới được công bố gần đây,¹³ có thể dự đoán những phụ nữ từng trải nghiệm bạo lực gia đình sẽ phải hứng chịu những hậu quả trầm trọng hơn từ đại dịch COVID-19.

Thu nhập giảm sâu và tỷ lệ hộ nghèo tăng nhanh

- COVID-19 đã khiến thu nhập của các hộ gia đình và người lao động dễ bị tổn thương bị sụt giảm đáng kể và dẫn đến sự gia tăng nghèo tạm thời về thu nhập và đẩy các hộ nghèo lún sâu hơn vào tình trạng nghèo thu nhập.

6 UNFPA. Impact of the COVID-19 Pandemic on Family Planning and Ending Gender-based Violence, Female Genital Mutilation and Child Marriage. https://www.unfpa.org/sites/default/files/resource-pdf/COVID-19_impact_brief_for_UNFPA_24_April_2020_1.pdf

7 United Nations Development Programme (UNDP). Gender-based violence and COVID-19.

8 UN WOMEN. Impact of COVID-19 on violence against women and girls through the lens of civil society and women's rights organizations

9 Erika Fraser. Impact of COVID-19 pandemic on violence against women and girls.

10 UN WOMEN. COVID-19 and Ending Violence Against Women and Girls. <https://www.unwomen.org/-/media/headquarters/attachments/sections/library/publications/2020/issue-brief-covid-19-and-ending-violence-against-women-and-girls-en.pdf?la=en&vs=5006>

11 <https://hcov.moh.gov.vn/>, truy cập 12/5/2021.

12 VnExpress. Five million Vietnamese workers lose jobs to Covid-19 - VnExpress International. VnExpress International – Latest news, business, travel and analysis from Vietnam. Accessed August 21, 2020. <https://e.vnexpress.net/news/business/data-speaks/five-million-vietnamese-workers-lose-jobs-to-covid-19-4089701.html>

13 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. 2020. Báo cáo điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019: “Hành trình để thay đổi.”

- Thu nhập giảm sâu dẫn đến sự gia tăng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo.
- Nhóm hộ gia đình DTTS và hộ gia đình của lao động phi chính thức và di cư chịu những mức độ ảnh hưởng lớn nhất.
- Trong thời điểm đỉnh dịch, doanh thu của các doanh nghiệp vừa, nhỏ, siêu nhỏ (DNVNSN) do nữ lãnh đạo có tỷ lệ thấp hơn so với doanh nghiệp do nam lãnh đạo.

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19

HỘ 1

- Trong tháng 12 năm 2019, trung bình tỷ lệ hộ nghèo là 11,3%. Tỷ lệ này tăng lên tới 50,7% vào tháng 4/2020.
- Thu nhập giảm đã tạm thời đẩy 47,8% các hộ gia đình không nghèo vào thời điểm tháng 12 năm 2019 xuống dưới ngưỡng nghèo (thu nhập 700 nghìn đồng cho nông thôn và 900 nghìn đồng cho khu vực thành thị).
- Doanh thu của DNVNSN do nữ làm chủ là 17% so với tháng 12 năm 2019, thấp hơn tỷ lệ ở các đơn vị do nam giới lãnh đạo (24%), trong khi đó các HKD do nữ và nam giới lãnh đạo có một mức giảm doanh thu như nhau (17% - 4/2020 so với 12/2019).
- Vào tháng 4 năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo trong nhóm hộ DTTS được khảo sát là 61,3% (Kinh-Hoa: 48,6%), hộ di cư - 56,1% (không di cư: 48,5%), hộ có lao động phi chính thức 59,1% (lao động chính thức: 37,7 %).

- Trong khi tỉ lệ nghèo tạm thời về thu nhập giảm vào tháng 5 năm 2020, nhưng ở nhóm DTTS, lao động phi chính thức và hộ gia đình có nữ chủ hộ (phi chính thức) sự cải thiện hầu như không được ghi nhận.
- Trong nhóm hộ gia đình có lao động phi chính thức, các hộ có nữ chủ hộ có tốc độ phục hồi chậm hơn so với các hộ có nam chủ hộ.
- Tuy nhiên, điều ngược lại đã xảy ra với nhóm hộ gia đình di cư, các hộ gia đình có nữ chủ hộ có khả năng phục hồi nhanh hơn so với hộ có nam chủ hộ. Một số giải thích có thể được đưa ra đối với tình trạng này là: (i) ngành phục hồi vào tháng 5 là ngành có đông lao động nữ, (ii) áp lực kiếm tiền đặt lại vai nữ nhiều hơn trong bối cảnh đại dịch, trong khi nam giới di cư trở về có xu hướng chờ đại dịch qua đi để tìm kiếm việc làm (Nghiên cứu của UN Women, UNDP 2020).

Thị trường lao động bị tác động mạnh mẽ

- Các hộ gia đình và nhóm lao động dễ bị tổn thương gặp nhiều thách thức để duy trì sinh kế của họ khi khả năng chuyển việc làm thấp nhất đối với nhóm lao động nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và xây dựng.
- Trong 5 ngành bị ảnh hưởng nhiều nhất về giảm việc làm trong bối cảnh đại dịch COVID 19 thì có tới 4 ngành có đông lao động nữ.

HỘ 2

NHỮNG NGÀNH BỊ TÁC ĐỘNG NHIỀU NHẤT VỀ THỊ TRƯỜNG VIỆC LÀM

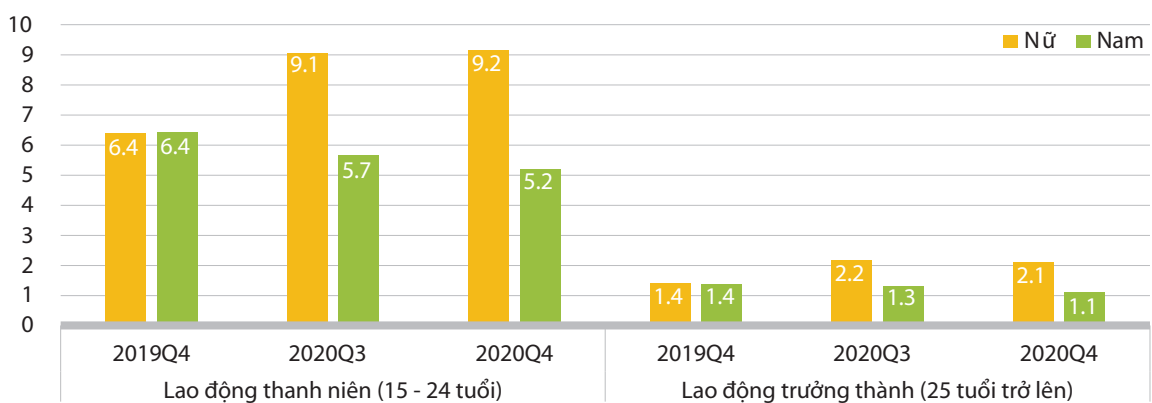
- Dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn.
- Ngành sản xuất - chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Dịch vụ thương mại, bán buôn, bán lẻ.
- Giao thông.
- Dịch vụ giải trí, nghệ thuật.

- Hầu hết các DNVNSN đều thu hẹp quy mô hoạt động bằng việc cắt giảm lực lượng lao động, do sụt giảm các đơn đặt hàng và gián đoạn nguồn cung đầu vào.
- Quy mô doanh nghiệp càng lớn thì tác động của dịch COVID-19 đối với quy mô lao động trong tháng 4/2020 càng giảm
- DNVNSN do nữ lãnh đạo có xu hướng

giữ chân người lao động, đặc biệt là lao động nữ, trong thời gian khó khăn.

Biểu đồ 1 phản ánh tác động của COVID-19 đến thị trường lao động. Phân tích của ILO trên số liệu của cuộc Điều tra về Lao động và việc làm năm 2020 cho thấy lao động nữ ở cả nhóm thanh niên và trưởng thành đều có tỷ lệ thất nghiệp cao hơn nam giới trong 2 quý cuối cùng của năm 2020.

BIỂU ĐỒ 1: TỈ LỆ THẤT NGHIỆP THEO NHÓM TUỔI TRONG NĂM 2019 VÀ 2020



Nguồn: ILO 2021

Gia tăng gánh nặng công việc chăm sóc không lương đối với phụ nữ

- Trong bối cảnh COVID-19 mô hình truyền thống về phân công lao động gia đình làm gia tăng gánh nặng lên vai phụ nữ trong việc chăm sóc trẻ em, người già, người mắc bệnh hiểm nghèo.
- Hơn 70% hộ khảo sát cho thấy phụ nữ đi chợ mua nhu yếu phẩm hàng ngày (có nguy cơ bị lây nhiễm dịch cao).

- Phụ nữ chịu đựng nhiều hơn những căng thẳng tâm lý khi phải ở nhà thực hiện giãn cách xã hội.
- Nhóm hộ nghèo, người di cư và nhóm DTTS – không có điều kiện để hỗ trợ con trong việc học trực tuyến.
- Ở đô thị, phụ nữ dành nhiều thời gian hơn hỗ trợ các con, nhất là cấp 1, học trực tuyến.

HỘP 3: GÁNH NẶNG CHĂM SÓC Y TẾ ĐỐI VỚI PHỤ NỮ

Trong hai tuần giãn cách xã hội, công ty tôi đã đóng cửa và sắp xếp công việc tại nhà cho tất cả nhân viên. Khối lượng công việc của công ty cao hơn hai lần so với giai đoạn trước COVID-19. Tôi có 2 đứa con 3 và 5 tuổi phải ở nhà vì trường mẫu giáo của chúng bị đóng cửa. Các con tôi không quen chơi với chồng tôi và mẹ chồng tôi không giúp được gì nhiều, tôi đã bị quay cuồng giữa việc chăm sóc chúng, làm việc nhà và công việc của công ty. Tôi không thể đi ngủ trước 2 giờ sáng. Nếu điều này kéo dài thêm một tháng nữa, tôi có thể phát điên.
Nữ, 32 tuổi, nhân viên văn phòng, Hà Nội

GÁNH NẶNG CHĂM SÓC Y TẾ ĐỐI VỚI PHỤ NỮ (TIẾP THEO)

Bố tôi bị chấn thương cột sống, vì vậy mẹ và tôi phải thay phiên nhau đến bệnh viện để chăm sóc ông. Khi bệnh viện Bạch Mai bị cách ly, chúng tôi bị hàng xóm xa lánh. Có tin đồn rằng tôi bị nhiễm bệnh, nhiều người đã gọi điện và chửi rủa chúng tôi. Mặc dù được xác định là không có bất kỳ nguy cơ lây nhiễm nào, mẹ tôi và tôi đã phải yêu cầu chính quyền địa phương làm xét nghiệm COVID-19. Chúng tôi không thể đi ra ngoài. May mắn thay, một số người thân đã giúp mua thực phẩm và đặt nó ở cửa của chúng tôi để lấy.

Nữ 28 tuổi, nhân viên văn phòng, Hà Nội

Nguồn: UN Women và UNDP, 2020

Bạo lực/xung đột gia đình gia tăng trong thời gian đại dịch

- Tổng đài ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới (1900969680) đã nhận được khoảng 350 cuộc gọi từ những phụ nữ cần hỗ trợ, tăng 7 lần so với cùng kỳ năm 2019.
- Phòng Tham vấn của CWD cho biết gia tăng 48% phụ nữ đến tham vấn trực tiếp về bạo lực gia đình trong tháng 4 năm 2020. Số phụ nữ tìm đến tạm trú các Ngôi nhà bình yên ở trong thời gian này tăng 80% so với cùng thời điểm năm 2019.
- Báo cáo cuộc gọi về Bạo lực giới tại văn phòng hỗ trợ người bị bạo lực giới-Trung tâm CSAGA cho biết:
 - 4 tháng cuối năm 2019: Từ tháng 9 đến hết tháng 12/2019: Tổng là 416 cuộc gọi trung bình mỗi ngày 4 cuộc.
 - 4 tháng đầu năm 2020 (từ tháng 1-22/4/2020): Tổng: 624 cuộc. Trung bình mỗi ngày 6 cuộc.
 - Nhiều cuộc bạo lực về tinh thần tăng đột biến.
- Một số ca báo cáo các vụ bạo lực thể xác trở nên trầm trọng hơn.

ĐẠI DỊCH COVID-19 LÀM GIA TĂNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Nghiên cứu cho thấy trong đại dịch COVID-19 bạo lực gia đình gia tăng đối với những phụ nữ đã từng là nạn nhân của bạo lực gia đình:

- 99% cặp vợ chồng có xung đột hôn nhân/gia đình trong thời gian đại dịch, phần lớn các vụ xung đột do nam giới gây ra.
- *Bạo lực tinh thần*: 88% phụ nữ là nạn nhân của ít nhất một hành vi bạo lực tinh thần từ phía chồng hoặc bạn tình trong thời kỳ COVID-19, trong số đó 91% cho biết họ bị bạo hành tinh thần nhiều hơn so với thời kỳ trước khi dịch bùng phát.
- *Bạo lực thể chất*: 59% phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo hành về thể chất trong thời kỳ COVID-19, trong số đó 91% cho biết họ bị bạo hành nhiều hơn so với thời kỳ trước khi bùng phát. Phụ nữ nông thôn bị chồng/bạn tình bạo hành nhiều hơn (61,3%), so với phụ nữ đô thị (44,7%).
- *Bạo lực tình dục*: 25% phụ nữ là nạn nhân của bạo lực tình dục trong thời kỳ COVID-19, trong số đó 79% bị bạo hành nhiều hơn so với thời kỳ trước khi bùng phát. Phụ nữ thành thị bị bạo lực tình dục nhiều hơn phụ nữ nông thôn.
- *Bạo lực về tài chính*: 34% phụ nữ bị lạm dụng tài chính trong thời kỳ COVID-19 trong số đó 72% bị lạm dụng nhiều hơn so với thời kỳ trước khi bùng phát.

(Nguồn: Viện Nghiên cứu Phát triển xã hội, 2020. Kết quả nghiên cứu về Tác động của COVID-19 tới bạo lực gia đình với phụ nữ tại Hà Nội, tháng 7/2020).

Vì sao bạo lực gia đình xảy ra nhiều hơn trong thời gian đại dịch?

- Một tỷ lệ lớn các cặp vợ chồng bị mất việc làm hoặc bị giảm lương do đại dịch có thể là nguyên nhân cốt yếu làm trầm trọng thêm xung đột hôn nhân và dẫn đến bạo lực gia đình.
- Tỷ lệ phụ nữ và hộ gia đình không có thu nhập trong thời kỳ đại dịch là khá cao, ở mức 78,5% đối với mức thu nhập cá nhân và 72,1% đối với mức thu nhập hộ gia đình. Ngược lại, chỉ có 2,3% phụ nữ và 2% hộ gia đình có thu nhập không bị đại dịch COVID-19 ảnh hưởng.
- Ngoài ra, việc phải ở nhà trong thời gian dài cũng dẫn tới bạo lực nhiều hơn.
- 63% chồng/ bạn tình uống bia rượu nhiều hơn hoặc tương tự trong thời gian đại dịch COVID-19 xảy ra so với thời điểm trước khi bùng phát.

(Nguồn: Viện Nghiên cứu Phát triển xã hội, 2020. Kết quả nghiên cứu về Tác động của COVID-19 tới bạo lực gia đình với phụ nữ tại Hà Nội).

Nhóm nào bị tác động nhiều nhất của đại dịch COVID 19?

Tại Hội thảo tập huấn "Lồng ghép giới và đáp ứng giới trong các kế hoạch vận động và tác động chính sách phòng ngừa và ứng phó COVID-19" cho các tổ chức phi chính phủ được do Oxfam và CSAGA tổ chức vào ngày 29-30 tháng 3/2021, các thảo luận cho thấy, các đối tượng bị ảnh hưởng nhiều nhất của đại dịch COVID 19 bao gồm:

- Phụ nữ, trẻ em khuyết tật.
- Lao động nữ mang thai, có con nhỏ.
- Hộ nghèo.
- Hộ kinh doanh không kê khai thuế.
- Lao động tự do.
- Lao động di cư.

Đối với trẻ em:

- Chất lượng giáo dục giảm: Nghỉ học ở nhà, nhiều trẻ em không tiếp cận công nghệ, không được học trực tuyến, giám sát giáo dục bị ảnh hưởng.
- Chất lượng cuộc sống giảm: Chăm sóc trẻ em giảm do kinh tế giảm sút, Đời sống giải trí hạn chế, hoạt động ngoại khóa; tăng nguy cơ nghiện games và bạo lực do áp lực từ phụ huynh.
- Trẻ em khuyết tật không đến trường làm tăng nguy cơ bệnh trở lại (trẻ em tự kỷ, trẻ em thiếu năng...).

Đối với người khuyết tật:

- Tiếp cận thông tin về bệnh tật rất khó khăn, đa số các kênh thông tin này không phù hợp với người khiếm thị và khiếm thính.
- Khó khăn tiếp cận công nghệ, trực tuyến.
- Áp lực về việc làm suy giảm, phương tiện lao động đặc thù cho người khuyết tật hạn chế trong thời gian dịch bệnh.

- Phụ nữ khuyết tật bị xâm hại tình dục và bị bạo lực.
- Áp lực chăm sóc sức khỏe.

Đối với phụ nữ:

- Mất việc làm, thu nhập giảm
- Gánh nặng chăm sóc gia đình nhất là gia đình có con nhỏ, phụ nữ đơn thân nuôi con
- Nhóm phụ nữ thuộc khu vực phi chính thức không được tiếp cận với chính sách hỗ trợ của chính phủ
- Xung đột, mâu thuẫn, bạo lực gia đình gia tăng
- Căng thẳng về tâm lý, stress do những xáo trộn trong công việc gia đình và việc làm bên ngoài xã hội.

(Thảo luận nhóm Các tổ chức phi chính phủ tại Hội thảo tập huấn Lồng ghép giới và đáp ứng giới trong các kế hoạch vận động và tác động chính sách phòng ngừa và ứng phó COVID-19, ngày 29/3/2021)

MODULE

2

Lồng ghép giới và đáp ứng giới

trong quá trình xây dựng, thực hiện và giám sát thực hiện các kế hoạch vận động chính sách của tổ chức

2.1. Sự cần thiết của lồng ghép giới và đáp ứng giới trong các kế hoạch vận động và tác động chính sách của tổ chức trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và tình huống khẩn cấp khác

Sự cần thiết của lồng ghép giới trong các chính sách phát triển đã được thảo luận một cách rộng rãi kể từ khi các nước cam kết thực hiện Cương lĩnh hành động Bắc kinh 1995 và đến nay đã được thừa nhận là giải pháp bền vững, vì cách tiếp cận này đảm bảo sự thay đổi và điều chỉnh về thể chế, chính sách và chương trình phát triển theo hướng có trách nhiệm giới. Lồng ghép giới không chỉ là biện pháp để đạt được bình đẳng giới, đó còn được xem là phương tiện quan trọng để đạt được các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo bền vững, cải thiện giáo dục, bảo đảm an ninh, môi trường và sự thịnh vượng chung của các quốc gia.

Đại dịch COVID 19 cũng như các tình huống khẩn cấp khác (thảm họa, dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế - chính trị, chiến tranh, khủng bố...) có những tác động khác nhau đến phụ nữ, trẻ em gái, và nam giới, trẻ em trai.

Sự giao thoa với các hình thức đa dạng khác có thể làm trầm trọng thêm các mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng, ví dụ: các đặc điểm

Nhận ra những khác biệt giới này có ý nghĩa quan trọng để mang lại những quan điểm, kinh nghiệm và giải pháp khác nhau cho những thách thức mà cộng đồng và nhóm yếu thế đang phải đối mặt trong bối cảnh khủng hoảng, khẩn cấp.

Từ đó, có thể đáp ứng các nhu cầu hỗ trợ và bảo vệ của các nhóm đối tượng bị tác động một cách hiệu quả theo cách có trách nhiệm giới và tính chất bao trùm (social inclusion).

như chủng tộc, nguồn gốc xã hội, dân tộc, khuynh hướng tình dục và tình trạng khuyết tật, di cư... có thể ảnh hưởng đến cách mọi người chuẩn bị, ứng phó, phục hồi và bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng.

Vận động chính sách là một quy trình thận trọng đòi hỏi phải lập kế hoạch và có chiến lược nhằm cung cấp thông tin và gây ảnh hưởng đối với những người quyết định. Vận động chính sách hướng đến sự thay đổi dựa trên bằng chứng. Mục đích cuối cùng của vận động chính sách là đạt được một sự thay đổi chính sách mong muốn.

Lồng ghép giới vào quá trình vận động chính sách là việc đảm bảo rằng những khác biệt về giới được nêu lên và xem xét trong suốt tiến trình vận động. Để quá trình này mang lại hiệu quả tối ưu thì việc xác định vấn đề cần vận động và phân tích giới là khâu quan trọng và cần có sự kết hợp giữa các chuyên gia về giới và người làm lĩnh vực chuyên môn.

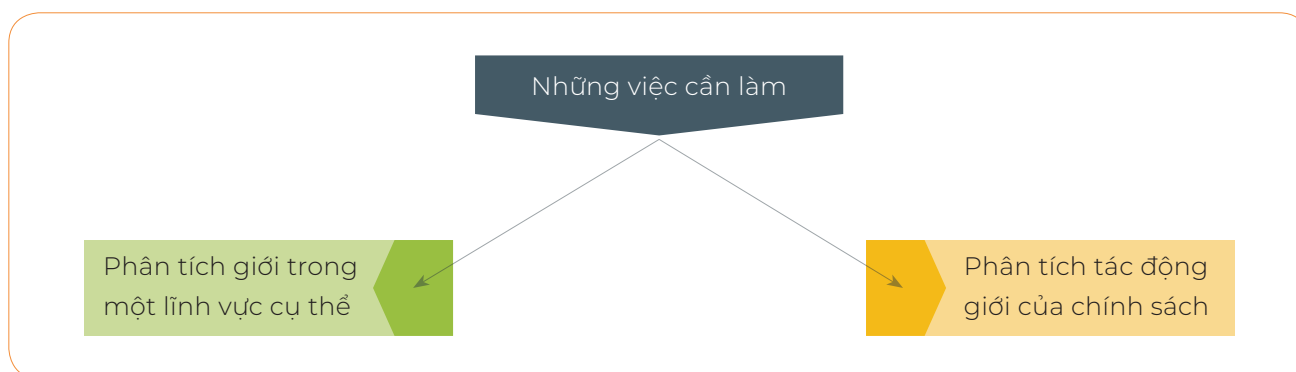
Do các yếu tố lịch sử và văn hóa nên định kiến giới còn sâu sắc trong xã hội Việt Nam. Vì vậy, vận động chính sách tạo liên minh, ủng hộ, nhằm thay đổi ý thức xã hội về giới – nền tảng quan trọng cho việc thực hiện bình đẳng giới.

Sự tham gia, tiếng nói của cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ trong quá trình vận động sẽ đóng góp cho việc xây dựng các chính sách nhạy cảm giới.

2.2. Lồng ghép giới trong kế hoạch vận động và tác động chính sách của tổ chức trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và tình huống khẩn cấp khác

2.2.1. Lồng ghép giới trong thu thập bằng chứng cho kế hoạch vận động

- Xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng là một cách tiếp cận giúp mọi người ra quyết định có căn cứ xác đáng về các chính sách, chương trình và dự án. Mặc dù bằng chứng không phải là yếu tố duy nhất ảnh hưởng đến quá trình chính sách, nhưng đây lại là việc làm đầu tiên các tổ chức cần thực hiện trong quá trình vận động chính sách
- Vận động chính sách đưa ra những bằng chứng về bất bình đẳng giới, giúp cho các nhà làm chính sách nhận thức được tầm quan trọng của chính sách có trách nhiệm giới.



Phân tích giới trong một lĩnh vực cụ thể

Phân tích giới là công cụ để phát hiện các vấn đề giới trong một lĩnh vực/chính sách cụ thể và cung cấp các minh chứng. Ba công cụ được sử dụng phổ biến để phân tích là: (i) Phân công lao động hay sự tham gia; (ii) Tiếp cận và kiểm soát nguồn lực và lợi ích; (iii) Tiếng nói và vai trò trong ra quyết định

Cụ thể phân tích giới cần:

- Tìm hiểu sự khác biệt giới trong phân công lao động/sự tham gia vào một lĩnh vực cụ thể?
- Tìm hiểu sự khác biệt giới trong tiếp cận nguồn lực và kiểm soát nguồn lực? (Ví dụ về nguồn lực: Tài sản, đất đai, vốn,

dịch vụ xã hội, kiến thức, đào tạo, mạng lưới, vốn xã hội...).

- Tìm hiểu sự khác biệt giới trong việc ra quyết định, tiếng nói và tầm ảnh hưởng của nam và nữ trong quá trình ra quyết định?
- Nguyên nhân dẫn đến những sự khác biệt nêu trên là gì?

Lưu ý: Cần thu thập số liệu tách biệt theo giới tính trong ba nội dung nêu trên. Đây là các số liệu định lượng, biểu thị qua số lượng hay tỷ lệ phần trăm. Thu thập số liệu tách biệt về nam, nữ và trẻ em trai, trẻ em gái trong một lĩnh vực cụ thể là yêu cầu cần bản nhất giúp chúng ta nhận rõ được mức độ khác biệt giới, là căn cứ để xác định vấn

đề bất bình đẳng giới và đề ra biện pháp giải quyết một cách cụ thể và xã định. Hiện nay các số liệu thường không phải lúc nào

cũng được tách biệt theo giới tính, điều này gây khó khăn cho việc phân tích các vấn đề về giới.

Trường hợp: Phân tích giới trong lĩnh vực nông nghiệp

Phân công lao động/sự tham gia

Các số liệu cho thấy, tỷ lệ nữ tham gia vào sản xuất nông nghiệp vẫn cao hơn so với nam giới. Ở các khu vực nông thôn, nhất là miền Bắc và miền Trung, sự khác biệt giới này còn rõ rệt hơn với 63% lao động nữ tham gia sản xuất nông nghiệp so với 57% lao động nam. Hiện tượng “nữ hóa nông nghiệp” đã được một số nghiên cứu đề cập đến do nam giới di cư ra đô thị tìm kiếm việc làm.

Ở vùng nông thôn Việt Nam phụ nữ có xu hướng làm việc trong sản xuất nông nghiệp dưới dạng không lương trong các trang trại gia đình và làm công ăn lương ở các trang trại khác và các doanh nghiệp nông nghiệp; vận hành các trang trại nhỏ và canh tác các loại cây trồng theo kiểu tự cung tự cấp, nơi đất ít được tưới tiêu, và giữ đất canh tác có diện tích nhỏ hơn. Phụ nữ cũng sở hữu ít hơn 10% các trang trại thương mại.

Tiếp cận và kiểm soát nguồn lực và lợi ích

Sở hữu đất đai và kiểm soát các nguồn lực kinh tế (đào tạo, thông tin, công nghệ và tín dụng) của phụ nữ so còn nhiều hạn chế so với nam giới.

Dữ liệu từ năm 2014 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn chỉ ra rằng có đến 71% lao động nữ nông thôn không có khả năng tiếp cận đào tạo nghề, trong khi đó con số này với lao động nam là 60%. Hơn nữa, các loại hình đào tạo nghề dành cho phụ nữ thường là ngắn hạn và được tập trung vào các kỹ năng của phụ nữ “truyền thống” chăn nuôi hay cây trồng với quy mô nhỏ lẻ, ít giá trị. Điều này hạn chế việc tiếp cận với đào tạo kỹ thuật nông nghiệp, dẫn đến bất bình đẳng giới trong việc tiếp cận và áp dụng công nghệ mới và các phương pháp giúp tăng năng suất cao hơn...

Tiếng nói và vai trò trong ra quyết định

Tỷ lệ cán bộ nữ làm việc trong ngành nông nghiệp cấp tỉnh (dưới 30%) và tỷ lệ nữ nắm vị trí lãnh đạo chủ chốt trong ngành nông nghiệp rất thấp.

Mặc dù phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới trong hầu hết các mô hình sản xuất trong nông nghiệp nhưng lại ít tham gia vào khâu quản lý và giám sát...

(Tổng hợp từ các Tài liệu/nghiên cứu: UN 2016. Tình hình giới ở Việt Nam; UN Women.2016. Phụ nữ hoạt động nông nghiệp và tăng trưởng toàn diện ở Việt Nam).

Phân tích tác động giới của chính sách

- Văn bản chính sách có thể không có sự phân biệt đối xử về giới nhưng khi thực hiện chính sách trong thực tế có thể tác động khác nhau đến nam và nữ. Đó là do nữ và nam đang phải đảm nhiệm các công việc khác nhau và họ có điều kiện khác nhau, ví dụ về thời gian, tiếp cận thông tin, tiếng nói trong quá trình ra quyết định, v.v...
- Phân tích tác động của chính sách nhằm xác định các vấn đề giới nảy sinh trong quá trình thực hiện chính sách. Điều này cho phép đo lường và đánh giá tính hiệu quả của chính sách đối với nam, nữ và các nhóm đối tượng khác một cách tách biệt, vì hiệu quả chính sách có thể khác nhau đối với từng giới
- Phân tích tác động giới của chính sách là cơ sở để điều chỉnh chính sách (đang thực hiện hoặc xây dựng), và để lựa chọn phương án chính sách phù hợp nhất cho cả nam và nữ.

Phân tích văn bản Nghị quyết 41/NQ-CP, Nghị quyết 42/NQ-CP (9/4/2020) và Nghị quyết 154/NQ-CP (19/10/2020) - từ góc độ giới và tính chất bao trùm

Điểm sáng:

- Chính sách được ban hành nhanh và kịp thời trong bối cảnh diễn biến nhanh và phức tạp của đại dịch của COVID 19 nhằm giảm thiểu các khó khăn gây ra bởi COVID-19 cho cộng đồng, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương.
- Một trong những nguyên tắc là ưu tiên dành nguồn lực từ ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) để thực hiện các chính sách này.
- Đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ: Tiền mặt; cho phép gửi hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp (hồ sơ gián tiếp mà không cần giấy xác nhận của UBND xã/phường); người lao động và người sử dụng lao động tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất...
- Chính sách đã nhằm tới đối tượng bị ảnh hưởng nhiều nhất của đại dịch đặc biệt là đầu tiên, các nhóm dân cư thuộc khu vực phi chính thức có quyền tiếp cận với các chính sách hỗ trợ của nhà nước (như người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm thuộc các nhóm việc làm phi nông nghiệp, bao gồm bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định, thu gom rác...).

Khoảng trống:

- Các khía cạnh về giới không được đề cập trong các chính sách từ Nguyên tắc, Nội dung hỗ trợ đến Tổ chức thực hiện.
- Không có những hướng dẫn chi tiết về việc thu thập số liệu, thông tin liên quan đến giới trong quá trình thực hiện chính sách, ví dụ như số người đủ điều kiện hưởng lợi chính sách, số người thực tế được hưởng lợi chính sách phân theo giới tính, ngành nghề, loại hình công việc...
- Không có những bằng chứng về việc chính sách được xây dựng dựa trên các phân tích về giới đối với nhóm dễ bị tổn thương trong các tình huống khẩn cấp. Điều này có thể được giải thích một phần do thời gian gấp và tính chất kịp thời của chính sách, tuy nhiên, sự chuẩn bị cho các tình huống tương tự trong tương lai là rất cần thiết, vì chính sách thiếu nhạy cảm về giới ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực thi chính sách.

2.2.2 Lồng ghép giới trong xây dựng Kế hoạch vận động chính sách

Bước 1: Lựa chọn vấn đề giới ưu tiên

Công việc cần thực hiện:

- Liệt kê các vấn đề bất bình đẳng giới đã được xác định dựa trên thông tin và số liệu phân tích giới và phân tích tác động giới của chính sách đã thực hiện ở trên.

- Thống nhất tiêu chí lựa chọn: Có thể có nhiều vấn đề giới cần giải quyết, song không thể giải quyết cùng lúc trong khuôn khổ nguồn lực cho phép. Các tiêu chí lựa chọn cần tính đến tính cấp thiết, nguồn lực con người và tài chính, thời gian, sự phù hợp với hoạt động của tổ chức, sự ủng hộ của các bên liên quan...
- Thảo luận và xếp loại ưu tiên: Cần tính đến nhu cầu, sự ưu tiên đối với các nhóm thiệt thòi.

Tiêu chí lựa chọn vấn đề giới ưu tiên để vận động chính sách

- Tính cụ thể và tính rõ ràng của vấn đề giới trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn của tổ chức.
- Khối lượng bằng chứng đủ mạnh để chứng minh về vấn đề giới.
- Khả năng hợp tác, xây dựng mạng lưới, đồng minh để giải quyết vấn đề giới đã được xác định.
- Phù hợp với ưu tiên của tổ chức.
- Có đủ nguồn lực (thời gian, tài chính, chuyên môn và sự ảnh hưởng) để giải quyết vấn đề nêu trên.
- Sự thay đổi chính sách sẽ có khả năng tác động đáng kể đến hiệu quả hoạt động của tổ chức.
- Tác động đến các nhóm dễ bị tổn thương và nhóm có ít tiếng nói.
- Tính khả thi/ thành công trong khoảng thời gian nhất định.

Nguồn: Adapted from Program for Appropriate Technology in Health (PATH, 2013).

Tiêu chí lựa chọn vấn đề giới ưu tiên



Bước 2: Xác định mục tiêu vận động

- Mục tiêu vận động là sự thay đổi cụ thể mà bạn/tổ chức của bạn mong muốn đạt được thông qua tiến hành một/nhiều hành động trong một khoảng thời gian nhất định. Mục tiêu phải có cơ sở gắn kết rõ ràng với việc khắc phục vấn đề hoặc thay đổi chính sách nhằm giải quyết vấn đề.
- Để xác định mục tiêu vận động cần bắt đầu từ vấn đề /khía cạnh giới được lựa

chọn để giải quyết và các nguyên nhân được xác định trong phân tích giới. Tiếp đến cần trả lời các câu hỏi sau đây: (i) Có các giải pháp nào để giải quyết vấn đề nêu trên; (ii) Các hành động nào cần thực hiện; (iii) Ai/tổ chức nào phù hợp để tiến hành các hoạt động trên; (iv) Lựa chọn giải pháp phù hợp với ưu tiên và thế mạnh của tổ chức, trong khoảng thời gian nhất định; (v) Diễn đạt thành mục tiêu vận động (các cấu phần của một mục tiêu vận động).

Ví dụ về xác định mục tiêu vận động

- **Phân tích thực trạng:** Chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể nào về lồng ghép giới trong các hoạt động cứu trợ khẩn cấp.
- **Vấn đề vận động:** Ban hành một quy định, cơ chế hay hướng dẫn cụ thể nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các hoạt động cứu trợ khẩn cấp.
- **Mục tiêu vận động:** Trong năm xxxx, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam (?) ban hành quy chế/hướng dẫn để thực hiện lồng ghép giới trong các hoạt động cứu trợ khẩn cấp.

Bước 3: Xây dựng thông điệp có trách nhiệm giới

Thông điệp vận động chính sách dùng để thuyết phục đối tượng cần vận động làm một việc gì đó. Kết quả mong đợi của thông điệp là thúc đẩy tạo ra hành động mang lại sự thay đổi. Việc truyền tải thông điệp chính sách là hoạt động rất quan trọng nhất.

Các việc cần làm để xây dựng thông điệp?

- *Một là, trả lời 4 câu hỏi cốt lõi:* Vấn đề gì? Tại sao? Cần làm gì cụ thể? Đề xuất giải pháp, tác động đến giải quyết vấn đề.
- *Hai là, diễn đạt một thông điệp súc tích:*

Kêu gọi hành động dựa trên bằng chứng (SEE ACTION) là một công thức có thể sử dụng để xây dựng những thông điệp hấp dẫn và rõ ràng bao gồm¹⁴:

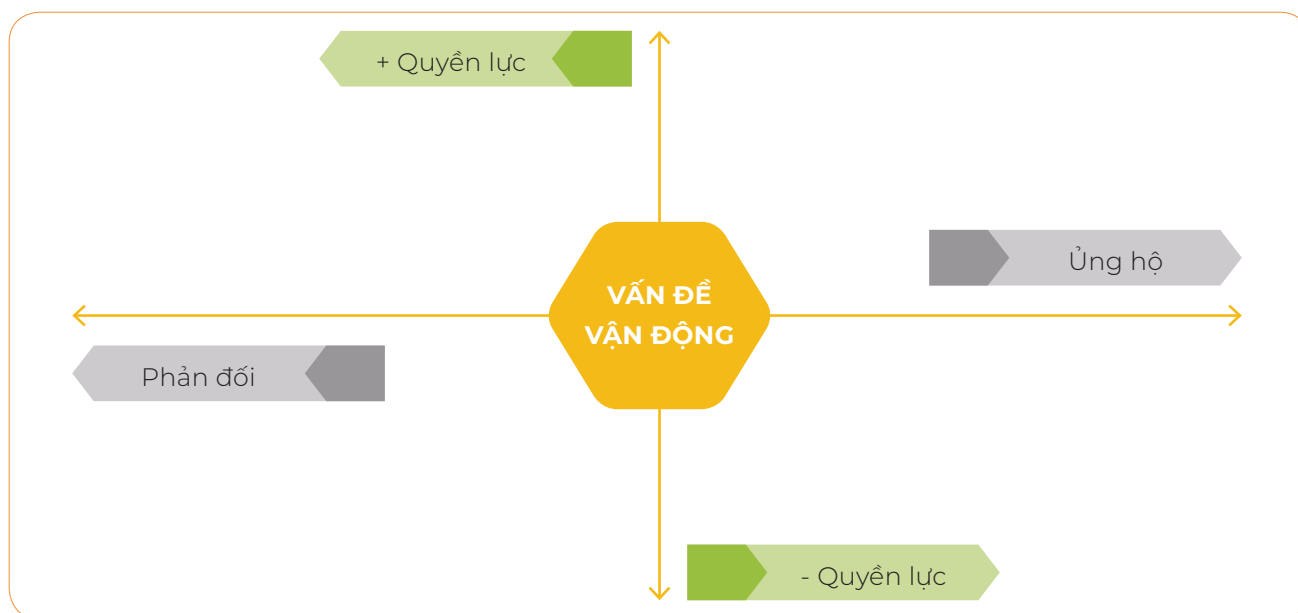
- S (Statement): Câu tuyên bố.
- E (Evidence): Bằng chứng.
- E (Example): Ví dụ.
- Action: Kêu gọi hành động.

- *Ba là, cần đảm bảo các khía cạnh giới được thể hiện một cách cụ thể trong thông điệp.* Thông điệp cần được chuẩn bị trên giấy, thường từ 5-8 câu và có thể trình bày trong vòng 2 phút

Ví dụ một thông điệp vận động chính sách

- Việc nâng tuổi nghỉ hưu của phụ nữ sẽ giúp xã hội có thêm nguồn nhân lực có kinh nghiệm và trình độ cao, đảm bảo quyền lao động của nữ một cách bình đẳng (**Câu tuyên bố**).
- Phụ nữ sống lâu hơn nam giới. Trên thế giới, cứ 100 phụ nữ từ 60 tuổi trở lên thì có 84 nam giới. Cứ 100 phụ nữ 80 tuổi trở lên thì có 61 nam giới. Các nghiên cứu của VN cho thấy, nhiều nữ sau khi nghỉ hưu vẫn tiếp tục làm việc trong các khu vực kinh tế khác nhau (**Bằng chứng**).
- Hiện nay, ở đại bộ phận các nước trên thế giới, tuổi nghỉ hưu của nam, nữ là như nhau hoặc xích lại gần nhau. Ở Đông Á chỉ có 3 nước có tuổi về hưu của nam và nữ cách biệt 5 năm là Trung Quốc, Việt Nam và Đài Loan (**Ví dụ**).
- Hãy cùng chúng tôi: đề nghị sửa đổi quy định về độ tuổi nghỉ hưu của phụ nữ trong Bộ luật Lao động (**Kêu gọi hành động**).

Bước 4: Phân tích các bên liên quan từ góc độ giới



Phân tích các bên liên quan có nghĩa là tìm hiểu:

- Các cơ quan/tổ chức và cá nhân nào ủng hộ cho bình đẳng giới nói chung và vấn đề giới của Kế hoạch vận động nói riêng?
- Các cơ quan/tổ chức và cá nhân nào phản đối/ít ủng hộ cho bình đẳng giới nói chung và vấn đề giới của Kế hoạch vận động nói riêng?
- Các cơ quan/tổ chức và cá nhân nào có quyền lực, tầm ảnh hưởng đến việc giải quyết vấn đề giới trong Kế hoạch vận động?
- Các cơ quan/tổ chức và cá nhân nào có ít (không có) quyền lực, tầm ảnh hưởng

đến việc giải quyết vấn đề giới trong Kế hoạch vận động?

Phân tích trên đây sẽ giúp tổ chức có các giải pháp ứng xử một cách phù hợp với từng nhóm đối tượng và xây dựng mạng lưới/liên minh.

2.2.3 Lồng ghép giới trong quá trình thực hiện Kế hoạch vận động chính sách

- Thông thường một Kế hoạch vận động sẽ được lập kế hoạch và triển khai chi tiết trong quá trình thực hiện dựa trên Kế hoạch được thiết kế ban đầu. Trong mỗi bước triển khai đó các khía cạnh về giới cần được quan tâm một cách xuyên suốt.

Lồng ghép giới trong thực hiện kế hoạch vận động

TT	Hoạt động chi tiết cần thực hiện	Các khía cạnh giới cần quan tâm/Các câu hỏi cần trả lời
1	Hoạt động 1	<p>Đối với mỗi hoạt động/bước triển khai cần lưu ý những nội dung sau đây:</p> <p>Về người chịu trách nhiệm điều phối/tổ chức thực hiện hoạt động?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có am hiểu về giới, nhất là vấn đề đang cần vận động không? Có mối quan hệ với các cá nhân và mạng lưới ủng hộ/phản đối vấn đề giới như thế nào? Ai / nhóm nào sẽ là người tốt nhất để tổ chức thực hiện hoạt động này? <p>Sự tham gia</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động đã thu hút đúng đối tượng tham gia hay chưa nhất là các bên, tổ chức, cá nhân ủng hộ về bình đẳng giới và vấn đề giới trong Kế hoạch vận động? nếu chưa, cần sự hỗ trợ của ai/tổ chức nào? có giải pháp nào? <p>Về thời gian/địa điểm thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời điểm nào là tốt nhất để đưa vấn đề ra vận động (Ví dụ: có thể tận dụng các sự kiện với sự có mặt của những người có ảnh hưởng/quyền lực để truyền tải thông điệp, chia sẻ thông tin...) - Lựa chọn địa điểm cũng là một yếu tố quan trọng nhằm thúc đẩy sự tham gia nhiều nhất có thể của các bên liên quan như người làm chính sách, người bị tác động của chính sách, bao gồm nam, nữ và các nhóm tổn thương/các nhóm thiểu số khác - Tài liệu hóa cuộc vận động và chia sẻ rộng rãi bài học, kinh nghiệm
2	Hoạt động 2	
3	Hoạt động 3	
4	Hoạt động 4	
5	

2.2.4. Lồng ghép giới trong quá trình giám sát thực hiện Kế hoạch vận động

Trên cơ sở Kế hoạch vận động đã được thiết kế, giám sát được tiến hành song song trong quá trình triển khai thực hiện các hoạt động của Kế hoạch. Cụ thể là:

- Theo dõi tiến độ các hoạt động cụ thể.
- Theo dõi tiến độ vận động.
- Xác định và xử lý những vấn đề phát sinh.
- Phản ứng nhanh với những thay đổi trong bối cảnh/môi trường.
- Cung cấp thông tin và hỗ trợ quá trình ra quyết định.
- Theo dõi việc thực hiện các mục tiêu đặt ra.

Lồng ghép giới trong quá trình giám sát thực hiện Kế hoạch vận động bao gồm:

- *Giám sát **quá trình** lồng ghép giới vào xây dựng và thực hiện Kế hoạch vận*

động : Lồng ghép giới là quá trình cải tiến cách thức triển khai các hoạt động trong phạm vi của Kế hoạch và phạm vi tổ chức để đảm bảo mỗi hoạt động được triển khai theo cách có trách nhiệm giới (cần nhắc về nội dung, thời gian, địa điểm, người điều phối....).

- *Giám sát **kết quả** của hoạt động lồng ghép giới vào Kế hoạch vận động*: Cần đảm bảo rằng các hoạt động lồng ghép giới mang lại hiệu quả. Theo đó, các khía cạnh giới được lưu tâm trong giai đoạn thiết kế, thực hiện và giám sát, đánh giá các chính sách/chương trình/dự án hay hoạt động, đồng thời chú trọng vào kết quả của hoạt động lồng ghép giới (Ví dụ: giám sát quá trình thay đổi nhận thức, hành vi và thực hành về giới liên quan đến Kế hoạch vận động).

Xây dựng chỉ số về giới

- Xây dựng các chỉ số giám sát về giới là cơ sở cho việc kiểm tra, giám sát và

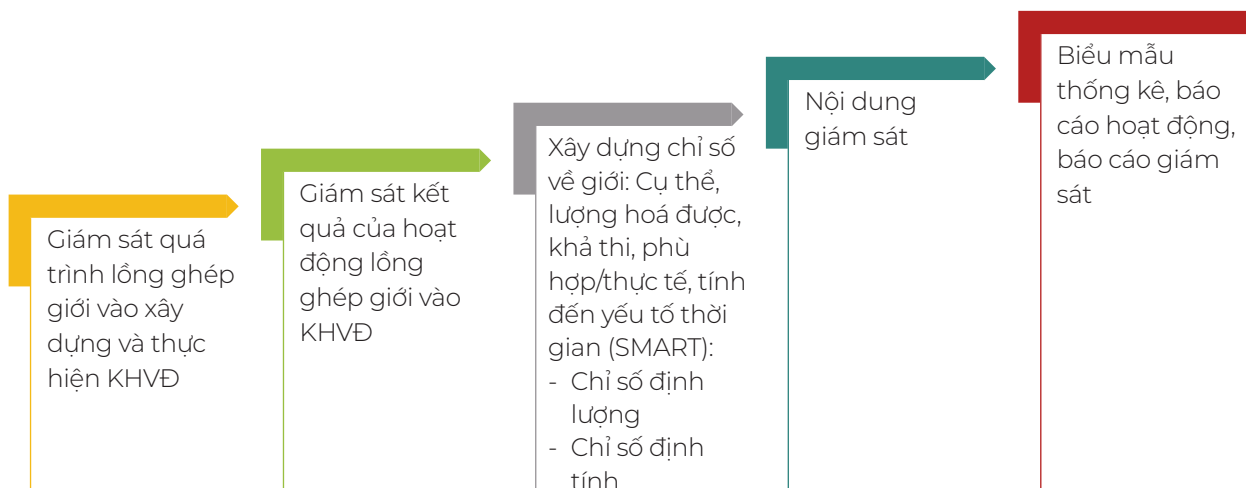
đánh giá kết quả đạt được về bình đẳng giới trong một chương trình, dự án cụ thể. Chỉ số cho ta biết cách thức lượng hoá, kiểm tra mức độ thực hiện mục tiêu, theo dõi những tiến bộ đạt được và đánh giá tác động của chính sách trong ngắn hạn và dài hạn.

- Xây dựng các chỉ số cần đáp ứng tiêu chí: Cụ thể, lượng hoá được, khả thi, phù hợp/thực tế, tính đến yếu tố thời gian (SMART). Có hai loại chỉ số:
 - *Chỉ số định lượng:* Các chỉ số định lượng liên quan đến con người cần được tách biệt theo giới tính trong mọi hoạt động của Kế hoạch/dự án. Ví dụ: có bao nhiêu phần trăm phụ nữ trong nhóm được hưởng lợi từ dự án.
 - *Chỉ số định tính:* Là thước đo đánh giá về nhận thức, thái độ và quan điểm của mọi người về một vấn đề cụ thể. Dữ liệu định tính trả lời cho các câu hỏi: thế nào? cái gì? tại sao?...

Các nguồn thông tin thường được sử dụng để có thông tin định tính là: Tham vấn ý kiến của người dân, các nhóm đối tượng, điều tra/khảo sát ý kiến, phỏng vấn, thăm định theo phương pháp cùng tham gia, quan sát của người tham gia...Chỉ số định tính về giới, ví dụ, đo mức độ nhận thức, quan niệm, thái độ về vấn đề bình đẳng giới, tiếng nói và vị thế của nam, nữ và các nhóm xã hội khác.

Ví dụ: Dự án đã làm thay đổi quan niệm của nam giới về năng lực của phụ nữ như thế nào so với trước khi có dự án. Ví dụ, trước khi có Dự án, 30% nam giới và 35% phụ nữ đồng ý rằng phụ nữ không nhất thiết phải tham gia vào ban chỉ đạo phòng chống COVID. Khi Dự án kết thúc, tỉ lệ này đã tăng lên tương ứng là 62% nam giới và 75% phụ nữ cho rằng phải có đại diện của phụ nữ trong ban chỉ đạo phòng chống COVID-19 ở tất cả các cấp.

Lồng ghép giới trong quá trình giám sát thực hiện KHVD



Nội dung giám sát, biểu mẫu thống kê, báo cáo hoạt động, báo cáo giám sát

- Bám sát các nội dung, khía cạnh về giới đã được phân tích và đưa vào Kế hoạch vận động.
- Trong quá trình giám sát, lấy ý kiến của nữ, nam và các nhóm khác về sự tham gia của họ vào các hoạt động, về tác động của chính sách đối với bản thân họ và sự thay đổi của quan hệ giới.
- Để đảm bảo quá trình kiểm tra, giám sát có đầy đủ các thông tin về giới, các biểu mẫu báo cáo (Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo định kỳ, Báo cáo đánh giá tác động...) cần yêu cầu thu thập số liệu tách biệt theo nam/nữ và yêu cầu cung cấp thông tin phân tích về giới.

Giám sát quá trình lồng ghép giới vào xây dựng và thực hiện Kế hoạch vận động

- Lồng ghép giới là quá trình cải tiến cách thức triển khai các hoạt động trong phạm vi của Kế hoạch và phạm vi tổ chức để đảm bảo mỗi hoạt động được triển khai theo cách có trách nhiệm giới (cân nhắc về nội dung, thời gian, địa điểm, người điều phối...).

Giám sát kết quả của hoạt động lồng ghép giới vào Kế hoạch vận động:

- Cần đảm bảo rằng các hoạt động lồng ghép giới mang lại hiệu quả. Theo đó, các khía cạnh giới được lưu tâm trong giai đoạn thiết kế, thực hiện và giám sát, đánh giá các chính sách/chương trình/dự án hay hoạt động, đồng thời chú trọng vào kết quả của hoạt động lồng ghép giới (Ví dụ: giám sát quá trình thay đổi nhận thức, hành vi và thực hành về giới liên quan đến Kế hoạch vận động).

MODULE 3

Thực hành Lồng ghép giới vào kế hoạch vận động chính sách/ hoạt động của dự án

Mục đích của Module 3 là thực hành áp dụng các kiến thức và kỹ năng cơ bản về lồng ghép giới và đáp ứng giới trong các hoạt động của tổ chức. Các nhóm sẽ thảo luận và lựa chọn những vấn đề ưu tiên để thực hiện lồng ghép giới trong thời gian tới trong khuôn khổ của Dự án “Hỗ trợ các tổ chức Xã hội Dân sự ứng phó với COVID-19”.

1. Các khía cạnh giới/vấn đề giới cần ưu tiên là gì? Vì sao lựa chọn vấn đề này? Cung cấp các cố liệu và thông tin qua kết quả phân tích giới.
2. Mục tiêu cần đạt được liên quan đến khía cạnh giới là gì? (có thể là một mục tiêu cụ thể về giới, có thể là một mục tiêu có lồng ghép yếu tố giới).
3. Xây dựng Kế hoạch lồng ghép giới: Đảm bảo lồng ghép giới được thực hiện trong từng bước triển khai các hoạt động.
4. Giám sát quá trình thực hiện Kế hoạch lồng ghép giới: Đảm bảo các số liệu thông tin, phân tích giới, các công cụ giám sát có tính đến các yếu tố về giới.

Các hoạt động cụ thể/ các bước triển khai hoạt động	Lồng ghép giới như thế nào?	Nguồn lực
1		
2		
3		
4		
5		
6		

Tài liệu đọc tham khảo

Lưu ý đến khác biệt giới trong cứu trợ khẩn cấp có thể giúp ngăn chặn bất bình đẳng giới thế nào?

Thiên tai đang ngày càng ảnh hưởng đến phụ nữ và nam giới, các bé trai, bé gái, người già và người trẻ theo các mức độ khác nhau. Hiển nhiên là những người dễ bị tổn thương hơn có khuynh hướng bị ảnh hưởng nặng hơn cả. Bài học của CARE trong việc giải quyết hậu quả cơn bão Damrey ở miền Trung Việt Nam vào cuối năm 2017 một lần nữa lại chứng minh rằng cách tiếp cận nhạy cảm giới trong công việc cứu trợ sẽ được đền đáp xứng đáng.

Vào đầu tháng 11 năm 2017, chỉ vài ngày trước khi Diễn đàn hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC) diễn ra tại Việt Nam, cơn bão số 12 đổ bộ vào miền Trung. Chỉ trong khoảng 16 giờ, hàng nghìn ngôi nhà đã bị tốc mái, phá hủy; cây cối, cột điện bị đổ rạp; lũ lụt xảy ra ở 15 tỉnh thành dọc miền trung Việt Nam.

Ảnh hưởng gián tiếp cũng nghiêm trọng không kém – phải mất một thời gian mới có thể phục hồi sinh kế của hàng triệu gia đình trong các vùng bị ảnh hưởng sau khi cây trồng, hạt giống, gia súc và các hệ thống thủy sản bị cơn bão phá hủy. Những hộ nghèo nhất bị ảnh hưởng nặng nề nhất, đặc biệt là ở những cộng đồng dễ bị tổn thương ở vùng trũng của Thừa Thiên Huế và Quảng Nam bởi lẽ khả năng chống chịu nơi đây tương đối thấp trong việc phục hồi lại chậm. Nguồn thu nhập mất đi bởi cơn bão cũng làm gia tăng nợ nần cho nhiều gia đình nơi đây. Để khắc phục những hậu quả

Thiệt hại do bão Damrey và lũ lụt gây ra

- Người bị ảnh hưởng: **4.330.000**
- Phụ nữ và bé gái bị ảnh hưởng: **2.200.000**
- Thiệt hại về nhà cửa: 134.000; trong đó **3.550** ngôi nhà bị phá hủy hoàn toàn
- Diện tích lúa bị ngập úng: **39.520 ha**
- Tổng thiệt hại về kinh tế: **996.920.000 USD**

Nguồn: Liên Hợp Quốc

do cơn bão để lại, Chính phủ Úc đã quyết định tài trợ cho tổ chức CARE quốc tế tại Việt Nam 400,000 đô-la Úc để hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng ở 4 xã thuộc huyện Đại Lộc (Quảng Nam) và huyện Quảng Điền (Thừa Thiên Huế).

Với sự hợp tác của Hội chữ thập đỏ tỉnh, huyện ở các địa bàn trên, các hoạt động đánh giá và cấp phát đã diễn ra từ đầu tháng 1 đến cuối tháng 8 năm 2018, tập trung chủ yếu vào việc giải quyết các nhu cầu khác của cả phụ nữ và nam giới như tiền mặt đa mục đích, phục hồi sinh kế và nước sạch.

Ở những khu vực của dự án, sau bão 2 tháng thì hầu hết các ngôi nhà hư hại đã được sửa chữa bằng nguồn thu nhập của gia đình hoặc thông qua vay mượn từ hàng xóm, họ hàng. Tuy nhiên, nhiều hộ gia đình lại phải đối mặt với những khoản nợ nặng nề, không đảm bảo đủ lương thực-thực phẩm, và không có đủ nước sạch cho sinh hoạt.

Trước khi diễn ra hoạt động cấp phát, CARE nhận thấy có khá nhiều hộ nghèo, đặc biệt là ở Huế, có người lớn tuổi đơn thân. Họ

chủ yếu sống dựa vào việc nuôi gia cầm quy mô nhỏ và hoa màu. CƠN BÃO DAMREY đã ảnh hưởng nặng nề tới nguồn thu nhập và lương thực của họ khi đàn gia cầm hoặc hoa màu bị lũ cuốn trôi. Những hộ nghèo càng gặp nhiều khó khăn hơn trong việc đảm bảo thức ăn, sửa chữa nhà cửa hoặc trả học phí cho con cái. Nam giới và phụ nữ nghèo lớn tuổi thường thiếu thức ăn và các vật dụng như quần áo ấm, chăn cho mùa đông. Họ cũng dễ mắc các căn bệnh do cơn lũ mang tới.

Chẳng hạn, ở các xã tại huyện Đại Lộc, chỉ vài tuần sau cơn bão, chúng tôi nhận thấy rằng nhu cầu nước sạch nhìn chung không còn cấp thiết nhưng vẫn còn dai dẳng trong nhóm dân dễ tổn thương nhất. Nước sạch không đủ dùng trong khi nước đóng chai lại quá đắt nên nhiều người nghèo phải hạn chế dùng nước trong việc uống, nấu ăn và tắm rửa. Bởi vậy nhiều trẻ em và phụ nữ lại gia tăng rủi ro mắc các bệnh về da.

Với những phát hiện đó, CARE đã đề xuất với Đại sứ quán Úc tại Hà Nội những hoạt động để giải quyết các nhu cầu khác nhau của phụ nữ và nam giới, của người già và người trẻ. Ví dụ, các khoản hỗ trợ tiền mặt đa mục đích được cấp phát không kèm điều kiện cho người dân để họ mua thực phẩm, nước uống, vật dụng gia đình và đặc biệt là thuốc men, khám chữa bệnh cho người già. Tiền mặt phục hồi sinh kế được ưu tiên dành cho các hộ do nữ đơn thân làm chủ hộ hoặc các gia đình đông con để họ cải thiện sinh kế sau bão. Những người này chủ yếu dùng tiền hỗ trợ để mua con giống, trồng hoa màu hoặc phân bón. Họ cũng được tập huấn về kỹ năng nuôi trồng. Hầu hết người tham dự

Tổng hợp các hoạt động hỗ trợ của dự án

- Địa bàn: xã Đại Tân, Đại Chánh (huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam) và xã Quảng An, Quảng Thành (huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên-Huế)
- Số hộ nhận tiền mặt đa mục đích: **677**
- Số hộ nhận tiền mặt hỗ trợ sinh kế: **622**
- Nhận bình lọc nước: **357 hộ và 5 trường học**
- Tổng số hộ nhận hỗ trợ: **1.656**
- Tổng số người nhận hỗ trợ: **~10.000**

tập huấn là phụ nữ và họ trở nên tự tin hơn trong việc áp dụng kiến thức học được vào công việc hàng ngày của mình. Bên cạnh đó, nhiều hộ cũng nhận được bình lọc nước để có nước sạch an toàn cho việc ăn uống.

Nhiều năm hoạt động cứu trợ nhân đạo trên toàn cầu và tại Việt Nam của CARE đã chứng minh rằng tùy vào cách tiếp cận mà các hoạt động can thiệp của chúng ta có thể hoặc gia tăng, củng cố, hoặc giảm thiểu những bất bình đẳng đang tồn tại. Trong quá trình làm việc với những người kém may mắn, thì Care nhận được sự hỗ trợ từ nhà tài trợ và các đối tác để cùng đào sâu hơn vào những đặc thù của từng nhóm dân số mà Care phục vụ, từ đó lồng ghép giới vào mọi giai đoạn của hoạt động cứu trợ. Nhờ vậy, Care không chỉ mang đến tiền mặt hay máy lọc nước cho người dân, mà còn góp phần giảm bớt tình trạng dễ bị tổn thương do bất bình đẳng giới tạo ra ở những nơi mà chúng tôi triển khai hoạt động (<https://www.care.org.vn/luu-y-den-khac-biet-gioi-trong-cuu-tro-khan-cap-co-the-giup-ngan-chan-bat-binh-dang-gioi-the-nao/?lang=vi>).

Hướng dẫn an toàn cho phụ nữ và trẻ em ở khu cách ly tập trung phòng chống lây nhiễm COVID-19

AN TOÀN VỀ THÔNG TIN



Thông báo, cập nhật và tạo điều kiện tiếp cận đầy đủ thông tin về các quy định tại nơi cách ly, về tình hình dịch, về các quy định, khuyến nghị, chính sách của Chính phủ đối với người cách ly tập trung. Giải thích và sử dụng ngôn ngữ, phương tiện truyền đạt phù hợp với trẻ em, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số.



Những người thực hiện nhiệm vụ hoặc hoạt động tình nguyện trong khu vực cách ly, có tiếp xúc trực tiếp với phụ nữ và trẻ em cần được xác định danh tính rõ ràng bằng danh sách, lời giới thiệu hoặc đồng phục, biển tên.



Chỉ sử dụng, công bố các thông tin bí mật đời tư của phụ nữ và trẻ em phục vụ cho công tác phòng, chống dịch và điều trị cho họ theo quy định của pháp luật, yêu cầu của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch quốc gia và Bộ Y tế.



Cung cấp thông tin và tạo điều kiện để trẻ em có thể gọi, sử dụng dịch vụ của **Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111** trong trường hợp cần hỗ trợ khẩn cấp hoặc cần tư vấn.

Tài liệu được Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội xây dựng và phổ biến với sự hợp tác của UNICEF và UN Women.



HƯỚNG DẪN AN TOÀN CHO TRẺ EM VÀ PHỤ NỮ TẠI NƠI CÁCH LY TẬP TRUNG TRONG PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) ngày 11/3/2020 đã tuyên bố thế giới đang trải qua đại dịch toàn cầu với chủng vi-rút Corona mới (COVID-19 hoặc SARS-CoV-2).


Tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc cũng đã công bố dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra (ngày 01 tháng 02 năm 2020). Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương đang quyết liệt ngăn chặn và làm chậm tốc độ lây nhiễm dịch bệnh này.

Các khu cách ly tập trung đã được thiết lập. Trong số những người được cách ly có trẻ em và phụ nữ. Họ có những nhu cầu đặc thù do lứa tuổi và đặc điểm giới cần được quan tâm, tạo điều kiện và đáp ứng. Trong điều kiện có thể ở mức tối đa, cần đáp ứng các **nhu cầu an toàn** của họ.



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Hướng dẫn cho cán bộ trong khu cách ly tập trung phòng chống lây nhiễm COVID-19



HƯỚNG DẪN CHO CÁN BỘ VÀ NHÂN VIÊN TRONG KHU CÁCH LY ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ EM VÀ PHỤ NỮ TẠI NƠI CÁCH LY TẬP TRUNG TRONG PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) ngày 11/3/2020 đã tuyên bố thế giới đang trải qua đại dịch toàn cầu với chủng vi-rút Corona mới (COVID-19 hoặc SARS-CoV-2).

Tại Việt Nam, ngày 20 tháng 2 năm 2020 Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã công bố dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra. Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương đã và đang quyết liệt ngăn chặn và làm chậm tốc độ lây nhiễm dịch bệnh này.

Các khu cách ly tập trung đã được thiết lập. Trong số những người được cách ly có trẻ em và phụ nữ. Họ có những nhu cầu đặc thù do lứa tuổi và đặc điểm riêng cần được quan tâm, tạo điều kiện và đáp ứng. Trong điều kiện có thể ở mức tối thiểu, các khu cách ly tập trung cần ưu tiên đáp ứng các nhu cầu an toàn của họ.

AN TOÀN NƠI Ở

Trẻ em nếu có cha, mẹ, người thân cùng diện cách ly thì cần được bố trí ở cùng phòng/khu vực.

Phân công một cán bộ của khu cách ly thường xuyên giám sát có số vật chất của khu cách ly để đảm bảo an toàn, đặc biệt là ở khu vực phòng ngủ.

Bố trí cho phụ nữ và trẻ em khu ở và khu vệ sinh tách biệt với nam giới. Nếu đó là một phòng chung thì phải có vách ngăn.

Cửa ra vào, cửa sổ phòng ngủ, khu vực ngủ của phụ nữ và trẻ em cần có chốt, khóa bên trong để chống đột nhập từ bên ngoài.

Công, sân, hành lang nơi phụ nữ và trẻ em ở phải được chiếu sáng đầy đủ và nên có hệ thống camera an ninh.

Phân công người chịu trách nhiệm thường xuyên giám sát an toàn khu ở, phòng ở của phụ nữ và trẻ em.

AN TOÀN KHỎI BẠO LỰC VÀ XÂM HẠI TÌNH DỤC

Bố trí nhân viên an ninh, bảo vệ và chăm sóc y tế cho khu vực có phụ nữ và trẻ em. Nhân viên này cần được đào tạo, tập huấn, cung cấp các kiến thức, kỹ năng làm việc với phụ nữ và trẻ em.

Phân công một người trong ban quản lý chịu trách nhiệm chính về an ninh của khu cách ly chuyên trách về bảo vệ trẻ em và phụ nữ. Người này có trách nhiệm tiếp nhận thông tin, thu thập chứng cứ, báo cáo kịp thời các trường hợp tình nghi và nguy cơ, bạo lực, xâm hại trẻ em và phụ nữ đến Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111 hoặc các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan nơi gần nhất (Công an, Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân, và Hội LHPN địa phương).

Trong trường hợp có xảy ra bạo lực, xâm hại tình dục, người quản lý khu cách ly cần đảm bảo việc thực hiện các biện pháp cách ly nghi phạm hoặc thủ phạm, kết nối dịch vụ chăm sóc, trị liệu về tâm lý ngay lập tức đối với trẻ em, phụ nữ là nạn nhân.

Sắp xếp một địa điểm dự phòng trong khu vực cách ly dành cho dịch vụ chăm sóc trẻ em, phụ nữ là nạn nhân của bạo lực, xâm hại tình dục.

Phổ biến các tài liệu hướng dẫn, các sản phẩm truyền thông (bảng tiếng Việt, tiếng dân tộc và tiếng nước ngoài) về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em và phụ nữ trong cơ sở cách ly tập trung.

Phổ biến số điện thoại 111 của Tổng đài quốc gia Bảo vệ trẻ em, số điện thoại đường dây nóng dành cho nạn nhân của bạo lực giới – Ngôi nhà Bình yên của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam - 0946.833.380/0946.833.382/0946.833.384, số điện thoại đường dây nóng của Trung tâm CSAGA: 024.3333.5599

Phổ biến số điện thoại của người có trách nhiệm về bảo vệ trẻ em và phụ nữ của cơ sở cách ly, số điện thoại báo vệ công dân của Đại sứ quán nước có công dân đang được cách ly tại cơ sở (và bố trí phiên dịch nếu cần thiết).

Cán bộ, nhân viên quản lý và chăm sóc trong khu cách ly cần có kiến thức về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em, bao gồm nhận thức về các dạng xâm hại/bạo lực, đặc biệt xâm hại/bạo lực tình dục và kết nối với Tổng đài 111/ Ngôi nhà Bình yên của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam/ Trung tâm CSAGA để gửi cầu cứu đỡ khi cần.

Hướng dẫn cho cán bộ trong khu cách ly tập trung phòng chống lây nhiễm COVID-19 (tiếp theo)



AN TOÀN VỆ SINH VÀ DINH DƯỠNG

- Bố trí khu vực nhà vệ sinh, nhà tắm riêng, gần nơi ở nhất hoặc trong phòng ở; có đèn chiếu sáng, vệ sinh và an toàn nhất cho trẻ em và phụ nữ (có chốt, khóa bên trong; không ở gần hoặc có lối vào đi qua khu ở hoặc khu vệ sinh dành cho nam giới).
- Cung cấp đầy đủ nước sạch cho nhà vệ sinh, nhà tắm. Thường xuyên rửa, dọn hoặc cung cấp dụng cụ để mọi người có thể tự rửa, dọn nhà vệ sinh, nhà tắm.
- Cung cấp bộ đồ dùng vệ sinh cá nhân trong đó có khăn mặt, bàn chải và kem đánh răng, lược, dung dịch vệ sinh, nước rửa tay, xà phòng hoặc nước tắm, nước gội đầu, băng vệ sinh cho phụ nữ và trẻ em gái.
- Với phụ nữ mang thai và nuôi con bằng sữa mẹ:
 - Chuẩn bị điều kiện vệ sinh và phương án xử lý biến chứng, sinh sản an toàn đối với phụ nữ mang thai;
 - Hỗ trợ chăm sóc người mẹ, trẻ sơ sinh. Tùy theo tuổi của trẻ, người mẹ cần được khuyến khích, và tạo điều kiện để tiếp tục nuôi con bằng sữa mẹ, kết hợp cho trẻ ăn bổ sung hợp lý;
 - Ưu tiên không gian an toàn và riêng tư cho người mẹ nuôi con bằng sữa mẹ;
 - Tạo điều kiện để bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ như hỗ trợ dụng cụ vắt sữa mẹ, phương tiện bảo quản sữa trong trường hợp người mẹ không thể cho con bú hoặc khi trẻ không thể trực tiếp bú mẹ.
- Cung cấp bữa ăn bổ sung hợp lý và phù hợp với trẻ em.
- Bảo đảm chế độ ăn uống phù hợp về số lượng và chất lượng cho phụ nữ mang thai, phụ nữ cho con bú và trẻ em, đặc biệt trẻ em từ 6 đến 23 tháng tuổi.
- Trẻ sơ sinh có mẹ có nguy cơ mắc hoặc đã mắc COVID-19 cần được chăm sóc nuôi dưỡng theo các quy định riêng theo hướng dẫn của ngành y tế. Đồng thời áp dụng các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát nhiễm trùng, trong đó nuôi con bằng sữa mẹ vẫn được khuyến khích.
- Giới thiệu, kết nối hoặc cung cấp dịch vụ tư vấn, trị liệu về tâm lý và kiến thức, kỹ năng an toàn cho người mẹ và trẻ em như **Tổng đài 111**, đường dây nóng của Bộ Y tế: **19009095** và **19003228**, hoặc các dịch vụ tư vấn khác tại địa bàn.

AN TOÀN VỀ THÔNG TIN



- 

Thông báo, cập nhật và tạo điều kiện tiếp cận đầy đủ thông tin về các quy định tại nơi cách ly, về tình hình dịch, chính sách của Chính phủ đối với người cách ly tập trung. Giải thích và sử dụng ngôn ngữ, phương tiện truyền đạt phù hợp với trẻ em, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số.
- 

Những người thực hiện nhiệm vụ hoặc hoạt động tình nguyện trong khu vực cách ly, có tiếp xúc trực tiếp với phụ nữ và trẻ em cần được xác định danh tính rõ ràng bằng danh sách, lời giới thiệu hoặc đồng phục, biển tên.
- 

Chỉ sử dụng, công bố các thông tin bí mật đời tư của phụ nữ và trẻ em phục vụ cho công tác phòng, chống dịch và điều trị cho họ theo quy định của pháp luật, yêu cầu của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch quốc gia và Bộ Y tế.
- 

Cung cấp thông tin và tạo điều kiện để trẻ em có thể gọi, sử dụng dịch vụ của Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111 trong trường hợp cần hỗ trợ khẩn cấp hoặc cần tư vấn.

Tài liệu được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và phổ biến với sự hỗ trợ kỹ thuật của UNICEF và UN Women và hỗ trợ tài chính của Chính phủ Úc.

